

Số: 39 /2015/QĐ-UBND

Long An, ngày 17 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học
và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04/10/2006 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 621/TTr-SKHCN ngày 15/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng NCKT;
- Lưu: VT, SKHCN, An.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Long An

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2015/QĐ-UBND
ngày 17/8/2015 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An.

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước, thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2015/TT-BKHHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân đề xuất, đăng ký, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước.

b) Các cơ quan, tổ chức liên quan đến công tác quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Đề tài và dự án cấp tỉnh*: Đề tài, dự án nghiên cứu khoa học có kết quả nghiên cứu tác động trực tiếp đến kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng, phát triển khoa học và công nghệ đối với một hay nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh.

2. *Đề tài, dự án trọng điểm cấp tỉnh*: đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp tỉnh có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hoặc đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp tỉnh có tổng kinh phí thực hiện từ 3 tỷ đồng trở lên.

3. *Đề tài và dự án cấp cơ sở*: đề tài, dự án nghiên cứu khoa học có kết quả nghiên cứu chỉ tác động trực tiếp đến kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng đối với một địa phương trên địa bàn tỉnh hoặc một lĩnh vực cụ thể với

mức kinh phí giới hạn: tổng kinh phí không quá 200 triệu đồng đối với đề tài và dự án thuộc lĩnh vực khoa học xã hội; không quá 400 triệu đồng đối với lĩnh vực khoa học kỹ thuật.

4. *Chủ nhiệm đề tài, dự án* (sau đây gọi tắt là chủ nhiệm) là cá nhân đăng ký, tổ chức thực hiện đề tài, dự án và chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề liên quan đến đề tài, dự án.

5. *Đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án* (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ trì) là đơn vị quản lý trực tiếp ít nhất 01 chủ nhiệm đề tài, dự án. Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề liên quan đến chủ nhiệm đề tài, dự án và đề tài, dự án.

6. *Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài* (đối với đề tài) hoặc tổ chức tham gia chính (đối với dự án) là các tổ chức phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

7. *Đơn vị chủ quản đề tài, dự án* (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ quản) là Sở Khoa học và Công nghệ.

8. *Các tiểu ban của Hội đồng Khoa học và công nghệ tỉnh* (sau đây gọi tắt là tiểu ban) gồm Tiểu ban khoa học và công nghệ, Tiểu ban khoa học xã hội và nhân văn do UBND tỉnh thành lập, có nhiệm vụ tư vấn cho Hội đồng Khoa học và công nghệ tỉnh về công tác khoa học và công nghệ của tỉnh.

9. *Hội đồng Khoa học và công nghệ cơ sở của sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố* do thủ trưởng sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố quyết định thành lập, quy định nhiệm vụ và quyền hạn, có nhiệm vụ tư vấn cho lãnh đạo sở, ngành, đơn vị về công tác khoa học và công nghệ của sở, ngành, đơn vị.

Điều 3. Căn cứ để xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các yêu cầu của lãnh đạo Đảng và Nhà nước.
2. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học và công nghệ của quốc gia, bộ, ngành, của tỉnh và địa phương trong tỉnh.
4. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của quốc gia, của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.
2. Có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra trên địa bàn tỉnh Long An
3. Có yêu cầu thời gian (tính từ thời điểm đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến thời điểm có kết quả) phù hợp để đảm bảo tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được phân thành 3 cấp quản lý: cấp cơ sở, cấp bộ/tỉnh và cấp Nhà nước. Việc đăng ký đề tài, dự án cấp nào do chủ nhiệm đề tài và đơn vị chủ trì đề tài tự quyết định và đăng ký trực tiếp với cấp quản lý tương ứng. Đề tài và dự án nghiên cứu khoa học công nghệ trong trường hợp không cần phân biệt một nhiệm vụ khoa học và công nghệ là đề tài hay dự án, thì đề tài và dự án được gọi chung là đề tài.

Điều 5. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung

a) Đảm bảo tính thực tiễn, khả thi, có giá trị khoa học và không phải là nhiệm vụ chuyên môn của tổ chức đề xuất;

b) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài

a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh;

b) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh;

c) Tiến độ thực hiện dự án khoa học và công nghệ có thời gian thực hiện không quá 3 năm.

3. Yêu cầu riêng đối với đối với dự án

a) Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ trong lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên hoặc mũi nhọn được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Kết quả của dự án khoa học và công nghệ được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế, có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

c) Phù hợp với năng lực khoa học và công nghệ trong tỉnh;

d) Bảo đảm phương án huy động các nguồn tài chính, trong đó các nguồn tài chính ngoài ngân sách cần được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận;

đ) Tiến độ thực hiện dự án khoa học và công nghệ phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội; có thời gian thực hiện không quá 5 năm.

Chương II

XÂY DỰNG, TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được quy định như sau

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh về sở, ngành tỉnh và UBND cấp huyện phù hợp với ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý đề tổng hợp.

2. Nội dung đề xuất (theo mẫu số BM01.PĐXNV ban hành kèm theo Quy định này), gồm:

- Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Sự cần thiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Mục tiêu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Nội dung chủ yếu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Dự kiến sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Khả năng và địa chỉ áp dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Thời gian thực hiện và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức lấy ý kiến tư vấn xác định và công bố công khai nhiệm vụ đặt hàng của cấp mình, gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Sở Khoa học và Công nghệ.

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, cấp bách, phát sinh mới có tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tổ chức lấy ý kiến tư vấn về các nhiệm vụ này, Giám đốc Khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ động hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất đặt hàng.

4. Việc thực hiện lấy ý kiến tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ.

5. Việc đề xuất, tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và kỹ thuật phải bao gồm nội dung triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm và dự toán kinh phí cho các hoạt động này hoặc đề xuất dự án triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm.

6. Hàng quý, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp đề xuất đặt hàng, tổ chức lấy ý kiến tư vấn về nhiệm vụ khoa học và công nghệ (có phân loại cấp cơ sở, cấp tỉnh, trọng điểm cấp tỉnh) trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

Chương III **TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH DANH MỤC** **NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Điều 7. Xác định danh mục định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Đến ngày 15 của tháng cuối quý, sau khi tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ lập thành danh mục đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gửi hồ sơ đến các Tiểu ban của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh để thẩm định.

b) Các Tiểu ban họp thẩm định trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ của Sở Khoa học và Công nghệ. Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Quy định này.

c) Trong thời gian tối đa 2 ngày làm việc sau khi tổ chức thẩm định, các Tiểu ban lập báo cáo thẩm định kèm theo biên bản họp thẩm định gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Trên cơ sở báo cáo thẩm định của các tiểu ban, trong 3 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ lập dự thảo danh mục định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi các thành viên Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh nghiên cứu.

đ) Trong thời gian 7 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo danh mục định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ, Hội đồng Khoa học và công nghệ tỉnh tổ chức hội nghị xem xét.

e) Trong thời gian 3 ngày sau hội nghị, Hội đồng Khoa học và công nghệ tỉnh hoàn thành biên bản và văn bản báo cáo kết quả xem xét danh mục định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm 02 danh mục: đề tài, dự án cấp tỉnh và đề tài, dự án trọng điểm cấp tỉnh, gửi Sở Khoa học và Công nghệ làm cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

a) Đến ngày 20 của tháng cuối quý, sau khi tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định, phê duyệt.

b) Nội dung thẩm định các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Quy định này.

Điều 8. Đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1.1. Tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Sau khi UBND tỉnh phê duyệt danh mục định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong thời gian không quá 20 ngày, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thủ tục đặt hàng các nghiên cứu khoa học công nghệ trong danh mục đã được phê duyệt.

b) Thời gian nhận hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là 60 ngày kể từ ngày ra thông báo.

c) Sau thời gian quy định, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp và tổ chức họp các thành viên trong Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh (các thành viên có

chuyên môn hoặc phụ trách công tác quản lý nhà nước liên quan trực tiếp đến nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ) để tuyển chọn tổ chức cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo tiêu chí đánh giá được UBND tỉnh phê duyệt trong kế hoạch đặt hàng do Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất.

Tổ chức, cá nhân được chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải hoàn chỉnh đề cương theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

Sau khi nhận được đề cương hoàn chỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chuyên ngành để xét duyệt đề cương.

d) Trong trường hợp không có đơn vị đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo danh mục đặt hàng thì Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho đơn vị đề xuất lập hồ sơ đăng ký hoặc đề xuất đơn vị thực hiện.

Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải hoàn chỉnh đề cương theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

Sau khi nhận được đề cương hoàn chỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chuyên ngành để xét duyệt đề cương.

đ) UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học đối với các đề tài, dự án cấp tỉnh.

1.2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký thực hiện

a) Các tổ chức, cá nhân được chọn triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ xây dựng hồ sơ đăng ký thực hiện (được kèm theo Quyết định) gồm:

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài/dự án (theo Mẫu số 02).
- Thuyết minh đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (theo Mẫu số 03 đối với đề tài, Mẫu số 04 đối với dự án, Mẫu số 05 đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ).
- Tóm tắt hoạt động khoa học công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài/dự án (theo Mẫu số 06).
- Tóm tắt hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ của tổ chức chủ trì chuyển giao công nghệ (nếu có) (theo Mẫu số 07).
- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài/dự án (theo Mẫu số 08).
- Giấy xác nhận phối hợp thực hiện đề tài/dự án (theo Mẫu số 09).

b) Chủ nhiệm và các cộng tác viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải thuyết minh năng lực chuyên môn bằng sơ yếu lý lịch khoa học. Các tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải chứng minh năng lực thực hiện về nhân sự và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

c) Những nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án do cá nhân đại diện cho tổ chức thực hiện, phải tuân thủ những quy định sau:

- Thực hiện hiện đúng, đầy đủ các biểu mẫu hồ sơ đề tài, dự án theo quy định. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Sở Khoa học và Công nghệ phải xem xét nội dung hồ sơ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Đề cương, thuyết minh nghiên cứu của đề tài, dự án phải được Hội đồng Khoa học và Công nghệ cơ sở của ngành, đơn vị thông qua và gửi kèm biên bản thẩm định của Hội đồng đến Sở Khoa học và Công nghệ.

đ) Mỗi cá nhân chỉ được đăng ký chủ nhiệm một (01) nhiệm vụ khoa học và công nghệ và được đồng chủ nhiệm (01) nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

2.1. Tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Sau khi Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, trong thời gian không quá 10 ngày, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thủ tục đặt hàng các nghiên cứu khoa học công nghệ trong danh mục đã được phê duyệt.

b) Thời gian nhận hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là 30 ngày kể từ ngày ra thông báo.

c) Sau thời gian quy định, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và tổ chức Hội đồng xem xét, tuyển chọn tổ chức cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo tiêu chí đánh giá được Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

d) Trong trường hợp không có đơn vị đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo danh mục đặt hàng thì báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ để thông báo đơn vị đề xuất lập hồ sơ đăng ký, đề xuất đơn vị thực hiện.

đ) Thủ trưởng sở, ngành, đơn vị, chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc UBND tỉnh xem xét, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học đối với các đề tài, dự án cấp cơ sở.

2.2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký thực hiện

a) Các tổ chức, cá nhân được chọn triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ xây dựng hồ sơ đăng ký thực hiện theo điểm 1.2, khoản 1, Điều này.

b) Chủ nhiệm đề tài, dự án và các cộng tác viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải thuyết minh năng lực chuyên môn bằng sơ yếu lý lịch khoa học. Các tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải chứng minh năng lực thực hiện về nhân sự và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

c) Những nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án do cá nhân đại diện cho tổ chức thực hiện, phải tuân thủ những quy định sau:

- Thực hiện hiện đúng, đầy các biểu mẫu hồ sơ đề tài, dự án theo qui định.
- Đề cương, thuyết minh nghiên cứu của đề tài, dự án phải được thông qua Hội đồng Khoa học và công nghệ cơ sở của ngành, đơn vị và gửi kèm biên bản thẩm định của Hội đồng trong hồ sơ đề tài đến Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 9. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát sinh

1. Các đề tài phát sinh trong thực tiễn sản xuất và đời sống có tính cấp thiết, thì Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các ban, ngành, đơn vị, nhà khoa học có liên quan để xem xét và đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương cho phép thực hiện. Khi được Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân thực hiện như những đề tài khác.

2. Đối với kinh phí thực hiện các đề tài, dự án phát sinh ngoài kế hoạch do Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện hoặc các ban, ngành đề xuất được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ cân đối sắp xếp từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ được giao hàng năm theo thứ tự ưu tiên.

Trong trường hợp kinh phí sự nghiệp khoa học đã được phân bổ không đảm bảo theo yêu cầu phát sinh thì Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính đề xuất phương án bổ sung để UBND tỉnh quyết định.

Chương IV

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHUYÊN NGÀNH

Điều 10. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền thành lập

1. Chức năng

Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chuyên ngành là tổ chức giúp Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở trong việc xét duyệt đề cương, nghiệm thu kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo phân cấp.

2. Nhiệm vụ

Xem xét, phân tích và phản biện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực tư vấn của hội đồng, được Sở Khoa học và Công nghệ, phòng kinh tế, phòng kinh tế - hạ tầng tổng hợp và cung cấp.

3. Thẩm quyền thành lập

a) Đối với đề tài, dự án trọng điểm cấp tỉnh: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh ra quyết định thành lập hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chuyên ngành.

b) Đối với đề tài, dự án cấp tỉnh còn lại: UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chuyên ngành.

c) Đối với đề tài, dự án cấp cơ sở: thủ trưởng sở, ngành, chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố có thể sử dụng Hội đồng Khoa học và Công nghệ cơ sở hoặc quyết định thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chuyên ngành để xét duyệt đề cương, nghiệm thu kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo yêu cầu về năng lực.

Điều 11. Thành phần của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chuyên ngành (sau đây gọi tắt là Hội đồng)

- Thành phần Hội đồng: gồm 1 chủ tịch hội đồng, 1 ủy viên thư ký và một số ủy viên khác. Trường hợp cần thiết có thể mời nhà khoa học có uy tín và chuyên môn sâu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan đến lĩnh vực tư vấn của hội đồng làm chủ tịch Hội đồng; ủy viên hội đồng là đại diện một số sở ngành, đơn vị có liên quan, một số nhà khoa học và cán bộ kỹ thuật, quản lý có uy tín, kinh nghiệm.

- Phương thức hoạt động của hội đồng thực hiện theo quy định hoạt động của Hội đồng Khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành. Nhiệm vụ của hội đồng là xem xét, đánh giá về sự cần thiết, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, nội dung khoa học và công nghệ, khả năng thực hiện, hiệu quả kinh tế-xã hội, sản phẩm ... của đề tài; đánh giá, nghiệm thu nội dung đã thực hiện và kết quả đạt được theo đề cương được duyệt.

Điều 12. Chương trình làm việc của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chuyên ngành

1. Thư ký công bố quyết định thành lập hội đồng.

2. Chủ tịch hội đồng nêu nội dung, mục đích, yêu cầu và chương trình làm việc.

3. Các tổ chức, cá nhân đăng ký/chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình bày tóm tắt về mục tiêu, phương pháp, nội dung nghiên cứu, dự kiến sản phẩm của nhiệm vụ/kết quả đạt được.

Đối với các nhiệm vụ đề nghị giao trực tiếp, khi xét duyệt đề cương nghiên cứu tổ chức chủ trì cần làm rõ năng lực của tổ chức và thành phần tham gia thực hiện nhiệm vụ.

4. Hội đồng thảo luận, đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các nội dung:

a) Sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ;

b) Mục tiêu nghiên cứu;

c) Nội dung nghiên cứu;

d) Phương pháp nghiên cứu;

đ) Sản phẩm dự kiến/ kết quả đạt được và địa chỉ ứng dụng;

e) Hội đồng thảo luận và cho ý kiến về các nội dung liên quan đến nhiệm vụ của hội đồng;

g) Khả năng chủ trì của tổ chức được giao nhiệm vụ trực tiếp.

5. Hội đồng đánh giá theo hình thức cho điểm đề tài, dự án. Chủ tịch Hội đồng kết luận căn cứ trên bình quân số điểm các thành viên Hội đồng.

6. Chủ nhiệm đề tài, dự án hoàn chỉnh đề cương/ báo cáo kết quả đề tài, dự án theo kết luận của chủ tịch hội đồng, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Thư ký Hội đồng kiểm tra nội dung đề cương/ báo cáo kết quả đề tài, dự án đảm bảo điều chỉnh theo kết luận của chủ tịch hội đồng; báo cáo chủ tịch Hội đồng.

Trường hợp cần thiết Sở Khoa học và Công nghệ gửi đề cương/ báo cáo kết quả đề tài, dự án đã chỉnh sửa đến các thành viên hội đồng góp ý hoàn chỉnh đề cương/ báo cáo kết quả.

Chương V

CẤP MÃ SỐ, LẬP DỰ TOÁN, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KINH PHÍ VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 13. Cấp mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chuyên ngành xét duyệt đề cương và đồng ý cho thực hiện, đề cương này sẽ được cấp mã số.

Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm xây dựng và hướng dẫn việc cấp mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 14. Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ để lập dự toán

a) Các nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án đã được Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc xét chọn chủ trì thực hiện đề tài, dự án thông qua và được Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất;

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành chức năng ban hành, chế độ chi tiêu hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì phải thuyết minh chi tiết căn cứ lập dự toán;

c) Dự toán kinh phí của đề tài, dự án phải gắn với các nội dung và sản phẩm nghiên cứu cụ thể; có thuyết minh rõ cơ sở xây dựng dự toán theo các nội dung công việc.

2. Chủ nhiệm đề tài, dự án lập dự toán chi tiết kinh phí của đề tài, dự án theo các nội dung chi giao khoán và chi không giao khoán, báo cáo tổ chức chủ trì để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 15. Tổ chức thẩm định kinh phí thực hiện đề tài, dự án

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính tổ chức thẩm định đối với từng đề tài, dự án.

2. Nội dung thẩm định:

a) Thẩm định kinh phí cần thiết để triển khai đề tài, dự án phù hợp với các nội dung của đề tài, dự án được hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc xét chọn chủ trì thực hiện đề tài, dự án thông qua;

b) Kinh phí cần thiết hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

Điều 16. Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Nội dung chủ yếu của hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải đầy đủ các nội dung sau:

- Thông tin các bên ký kết hợp đồng.
- Các nội dung yêu cầu của bên giao.
- Quyền và nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng.
- Các điều khoản về điều chỉnh hợp đồng.
- Các điều khoản về tranh chấp hợp đồng.
- Các điều khoản khác (nếu cần thiết).

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

a) Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện ký kết với cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở.

b) Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ được ký kết với cá nhân, đơn vị sau khi ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở với Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương VI

QUẢN LÝ KINH PHÍ VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 17. Quản lý kinh phí

Việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Sử dụng kinh phí

Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo yêu cầu của đề cương được duyệt. Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo các qui định pháp luật hiện hành

Điều 19. Cấp kinh phí thực hiện đề tài, dự án

Sau khi đề tài, dự án được phê duyệt thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với đơn vị chủ trì, chuyển kinh phí cho đề tài, dự án theo tiến độ thực hiện về tài khoản của đơn vị chủ trì.

- Việc cấp phát kinh phí cho đơn vị chủ trì để chi theo tiến độ và nội dung hoạt động chung của đề tài, dự án đã được phê duyệt;

- Trường hợp đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án chậm tiến độ so với tiến độ đã phê duyệt mà không được sự đồng ý của Sở Khoa học và Công nghệ, không thực hiện việc báo cáo tổng hợp về tình hình tiến độ thực hiện và sử dụng kinh phí của đề tài, dự án thì Sở Khoa học và Công nghệ ngừng phân bổ kinh phí.

Điều 20. Quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện các nội dung thuộc nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kinh phí hoạt động chung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo qui định, đảm bảo thuận tiện, đầy đủ và kịp thời.

Điều 21. Phân cấp quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí

Việc quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ phải được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chế độ tài chính hiện hành, danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh, trong đó:

1. Giao cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí các hoạt động phục vụ công tác quản lý đối với đề tài, dự án, chương trình khoa học công nghệ cấp tỉnh.

2. Giao cho đơn vị chủ trì, chủ nhiệm quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ đã được phê duyệt với Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị chủ trì đề tài, dự án

1. Đơn vị chủ trì phải ký xác nhận và theo dõi hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ. Thủ trưởng các đơn vị chủ trì có trách

nhiệm chỉ đạo, đôn đốc theo dõi và kiểm tra việc thực hiện đề tài, dự án do tổ chức mình thực hiện; có trách nhiệm giám sát chi tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và thanh quyết toán đúng thời gian quy định. Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện đề tài, dự án; nghiêm túc thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng. Đơn vị chủ trì phải cử người có thẩm quyền tham dự các buổi họp của hội đồng xét chọn, thẩm định kinh phí hay nghiệm thu đề tài, dự án.

2. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu đề tài, dự án ở cấp cơ sở trước khi gửi báo cáo nghiệm thu về Sở Khoa học và Công nghệ để nghiệm thu chính thức.

3. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm trong việc thu hồi kinh phí của đề tài, dự án khi bị kiểm tra, đình chỉ thực hiện theo Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKH&CN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có) và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 23. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ nhiệm đề tài, dự án

1. Chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện đề tài, dự án theo đúng các điều khoản cam kết trong hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Chủ nhiệm đề tài, dự án được quyền chủ động sử dụng kinh phí được cấp theo chế độ khoán kinh phí hiện hành và điều hòa nhân sự để thực hiện đề tài, dự án; có trách nhiệm nộp kinh phí thu hồi (nếu có) theo đúng hợp đồng đã ký; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất (nếu có); sử dụng kinh phí và thanh quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án theo đúng quy định hiện hành.

Điều 24. Trách nhiệm triển khai kết quả nghiên cứu khoa học

1. Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm có trách nhiệm công bố kết quả nghiên cứu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị, tổ chức có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án (trừ những đề tài, dự án có độ mật và tối mật phục vụ an ninh quốc phòng và một số ngành khác theo quy định của pháp luật về vấn đề bảo mật hoặc các đề tài, dự án được đặt hàng từ khu vực tư nhân, có sử dụng một phần ngân sách nhà nước và có tính bảo mật về kỹ thuật, công nghệ...).

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức bàn giao kết quả nghiên cứu, sản phẩm của đề tài, dự án cho các cơ quan đặt hàng, tổ chức, đơn vị ứng dụng kết quả của đề tài, dự án mỗi năm 2 lần. Cơ quan đặt hàng, tổ chức, đơn vị ứng dụng kết quả của đề tài, dự án có trách nhiệm báo cáo định kỳ 12 tháng/lần về việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu cho Sở Khoa học và Công nghệ cho đến khi có kết quả ứng dụng cụ thể. Chủ nhiệm, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ tổ chức, đơn vị ứng dụng triển khai kết quả nghiên cứu.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm báo cáo Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh việc triển khai kết quả nghiên cứu khoa học đối với các đề tài, dự án do Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho Sở Khoa học và Công nghệ

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan đặt hàng và tổ chức, đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu

Cơ quan, tổ chức đề xuất phải cử thành viên trong ban lãnh đạo (hoặc cán bộ chuyên trách) tham gia (hoặc tự tham gia nếu là cá nhân đề xuất) các hội đồng tuyển chọn, xét chọn, đánh giá nghiệm thu và phối hợp cùng Sở Khoa học và Công nghệ tham gia giám sát quá trình thực hiện đề tài, dự án để kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh.

Cơ quan đặt hàng và tổ chức, đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu sau khi nhận được bàn giao từ Sở Khoa học và Công nghệ với sự hỗ trợ tiếp tục từ chủ nhiệm đề tài, dự án phải triển khai ngay kết quả nghiên cứu, chậm nhất là 6 tháng. Nếu sau 6 tháng mà chưa ứng dụng được kết quả nghiên cứu thì đơn vị tiếp nhận phải báo cáo cho Sở Khoa học và Công nghệ để Sở Khoa học và Công nghệ cho ý kiến xử lý.

Điều 26. Kiểm tra, theo dõi tiến độ thực hiện

1. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ về tiến độ thực hiện đề tài, dự án định kỳ hoặc đột xuất và báo cáo quyết toán kinh phí trước mỗi lần cấp kinh phí đợt tiếp theo. Nếu quá 06 tháng (tính từ thời điểm phải báo cáo tiến độ), mà không có báo cáo và không chứng minh được nguyên nhân trễ hạn do khách quan, thì Sở Khoa học và Công nghệ có quyền đình chỉ nghiên cứu và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Theo chức năng quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra về việc thực hiện nội dung nghiên cứu, việc sử dụng kinh phí định kỳ hoặc đột xuất, để xác nhận tiến độ và kết quả thực hiện đề tài, dự án, trên cơ sở đó có biện pháp chỉ đạo tiếp tục thực hiện hoặc đình chỉ thực hiện đề tài, dự án. Khi cần thiết, mời lãnh đạo các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham gia kiểm tra.

Điều 27. Giải quyết các thay đổi, phát sinh trong quá trình thực hiện đề tài, dự án

1. Đối với đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng điểm cấp tỉnh khi có thay đổi, phát sinh: chủ nhiệm đề tài, dự án và thủ trưởng đơn vị chủ trì lập báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ xem xét để trình UBND tỉnh giải quyết.

2. Đối với đề tài, dự án cấp nghiên cứu khoa học và công nghệ tỉnh còn lại:

2.1. Trong trường hợp phải thay đổi mục tiêu, nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án, từ đó làm thay dự toán kinh phí của đề tài, dự án thì chủ nhiệm đề tài, dự án và thủ trưởng đơn vị chủ trì lập báo cáo mục tiêu, nội dung của đề tài, dự án cần phải thay đổi và dự toán kinh phí điều chỉnh gửi Sở Khoa học và Công nghệ xem xét để trình UBND tỉnh giải quyết.

2.2. Nếu việc thay đổi nội dung mà không thay đổi kinh phí:

a) Nếu có thay đổi mục tiêu của đề tài, dự án thì Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết theo thẩm quyền của mình.

b) Nếu không thay đổi mục tiêu của đề tài, dự án thì Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, giải quyết.

2.3. Nếu việc thay đổi nội dung làm thay đổi kinh phí, thì:

a) Nếu tổng kinh phí đề tài, dự án sau khi thay đổi không vượt tổng kinh phí của đề tài, dự án đã được duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết trên cơ sở định mức đã thống nhất và thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính biết. Trong trường hợp phát sinh mới chưa có định mức thì Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính xác định định mức và bố trí kinh phí thực hiện.

b) Nếu tổng kinh phí đề tài, dự án sau khi thay đổi vượt không quá 5% tổng kinh phí của đề tài, dự án đã được duyệt thì Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị Sở Tài chính giải quyết theo thẩm quyền.

c) Nếu tổng kinh phí đề tài, dự án sau khi thay đổi vượt trên 5% tổng kinh phí của đề tài, dự án đã được duyệt thì Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị Sở Tài chính xem xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Đối với đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp cơ sở khi có thay đổi, phát sinh: chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, thủ trưởng các sở, ngành tỉnh báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Đơn vị chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án chỉ được thực hiện các thay đổi về mục tiêu, nội dung, sản phẩm và phát sinh về kinh phí khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền qui định ở trên. Việc sử dụng kinh phí để giải quyết các phát sinh phải tuân thủ các quy định tài chính hiện hành.

Chương VII

ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH NGHIỆM THU KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Điều 28. Đánh giá nghiệm thu giữa kỳ đề tài, dự án

1. Mỗi đề tài, dự án trong quá trình thực hiện, nhằm đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, nội dung nghiên cứu và làm cơ sở cho việc triển khai các nhiệm vụ tiếp theo phải tổ chức hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu giữa kỳ (gọi tắt là hội đồng nghiệm thu giữa kỳ). Trừ trường hợp đề tài, dự án thực hiện dưới 12 tháng hoặc kinh phí dưới 200 triệu đồng đối với lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn và dưới 400 triệu đồng đối với lĩnh vực khoa học kỹ thuật.

2. Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn của đề tài, dự án bằng cách bỏ phiếu đạt hay không đạt.

3. Đề tài, dự án chỉ được tiếp tục thực hiện khi hội đồng đánh giá nghiệm thu giữa kỳ đánh giá kết quả thực hiện của giai đoạn trước đạt kết quả “Đạt”.

4. Trong trường hợp hội đồng giám định đánh giá kết quả thực hiện giữa kỳ không đạt thì đề tài, dự án có thể không được tiếp tục thực hiện và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng.

Điều 29. Đánh giá nghiệm thu cuối kỳ

Việc đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án cấp cuối kỳ phải căn cứ vào hồ sơ xét chọn hoặc tuyển chọn chủ trì thực hiện đề tài, dự án được duyệt, hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã ký kết, kết quả nghiệm thu giữa kỳ và kết quả đánh giá nghiệm thu cơ sở (nếu có), tiến hành đúng qui định, quy trình, bảo đảm nghiêm túc, trung thực, khách quan, chính xác và công bằng.

Đối với đề tài, dự án được Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chuyên ngành kiến nghị cho nghiệm thu lại, thì chi phí phục vụ hội đồng đánh giá nghiệm thu lại do đơn vị chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm chi trả.

Nếu quá 6 tháng (so với hợp đồng) chủ nhiệm đề tài, dự án không nộp báo cáo nghiệm thu và không chứng minh được nguyên nhân trễ hạn do khách quan, thì Sở Khoa học và Công nghệ có quyền đình chỉ triển khai đề tài, dự án và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng.

Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án được thành lập mới theo Điều 10, 11, 12 Quy định này.

Điều 30. Chế tài xử lý đối với các đề tài, dự án không hoàn thành

1. Đề tài, dự án không hoàn thành là đề tài, dự án thuộc một trong các loại sau đây:

a) Bị đình chỉ trong quá trình thực hiện theo quyết định của cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án, do sai phạm hoặc không có khả năng hoàn thành;

b) Có kết quả được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” tại hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án và không được cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án cho phép gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả.

2. Xác định nguyên nhân đề tài, dự án không hoàn thành:

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xác định đề tài, dự án không hoàn thành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, chủ nhiệm đề tài, dự án, đơn vị chủ trì lập báo cáo chi tiết toàn bộ quá trình thực hiện (nội dung hoạt động và sử dụng kinh phí) của đề tài, dự án; xác định rõ các nguyên nhân chủ quan và khách quan, gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, quản lý đề tài, dự án;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt,

quản lý đề tài, dự án chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc đề tài, dự án không hoàn thành.

3. Hình thức xử lý đề tài, dự án không hoàn thành:

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tùy theo nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan dẫn đến việc đề tài, dự án không hoàn thành để ra quyết định xử lý cụ thể như sau:

3.1. Xử lý về tài chính:

a) Nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ kinh phí của đề tài, dự án đã được cấp nhưng chưa sử dụng;

b) Đối với phần kinh phí của ngân sách nhà nước đã sử dụng, được xử lý như sau:

- Trường hợp do nguyên nhân chủ quan, phải quy rõ trách nhiệm của từng cá nhân để thu hồi tối đa kinh phí cho ngân sách nhà nước. Tổng mức thu hồi tối thiểu không thấp hơn 30% kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã sử dụng cho đề tài, dự án.

- Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì tổng mức thu hồi tối đa không quá 10% kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã sử dụng cho đề tài, dự án.

- Mức thu hồi cụ thể do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án xem xét quyết định. Nguồn kinh phí nộp trả ngân sách nhà nước: 50% do chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm nộp trả; 50% từ các quỹ và các nguồn kinh phí tự có khác của đơn vị chủ trì.

c) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án có quyết định về việc nộp hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm có trách nhiệm nộp hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành;

d) Trong trường hợp nguồn các quỹ và các nguồn tự có khác hiện có của đơn vị chủ trì không đủ nộp hoàn trả ngân sách, thì được chuyển phần còn thiếu sang năm sau để tiếp tục hoàn trả ngân sách nhà nước;

đ) Các đơn vị chủ trì đề tài, dự án tổng hợp tình hình thực hiện việc thu hồi kinh phí hoàn trả ngân sách nhà nước vào báo cáo quyết toán hàng năm của đơn vị mình gửi cơ quan chủ quản cấp trên để tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định;

3.2. Xử lý bổ sung:

a) Chủ nhiệm có đề tài, dự án trễ hạn quá 12 tháng chưa nghiệm thu, chưa quyết toán (nếu không chứng minh được do nguyên nhân khách quan) sẽ không được đăng ký thực hiện đề tài, dự án trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí, hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.

b) Tổ chức có 3 đề tài, dự án trễ hạn hoặc không quyết toán kinh phí trên 12 tháng trở lên, không được đăng ký chủ trì đề tài, dự án trong 2 năm tiếp theo

tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí, hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.

3.3. Các hình thức xử lý khác: theo quy định do Bộ Khoa học và công nghệ ban hành (nếu có).

Điều 31. Chế tài xử lý đối với các đề tài, dự án vi phạm

Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án trong quá trình tổ chức, thực hiện đề tài, dự án nếu vi phạm quy định của Luật Khoa học và công nghệ, vi phạm Quy định này, vi phạm các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan sẽ bị buộc bồi thường kinh phí thực hiện đề tài, dự án theo qui định pháp luật hiện hành và không được tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh từ 3 – 5 năm.

Điều 32. Sử dụng sản phẩm, xử lý tài sản và thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài, dự án

1. Sử dụng sản phẩm của đề tài, dự án:

a) Sản phẩm của đề tài, dự án là tài sản trí tuệ, việc sử dụng sản phẩm được thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Sản phẩm của đề tài, dự án là sản phẩm vật chất sử dụng kinh phí của ngân sách nhà nước, khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường thì nguồn thu sau khi trừ các khoản chi phí hợp lệ, được phân phối như sau:

- 40% nộp vào Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh.

- 30% trích lập quỹ phát triển sự nghiệp của đơn vị chủ trì. Trường hợp đơn vị thực hiện không có quỹ phát triển sự nghiệp thì nộp ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành;

- 30% để lại cho đơn vị thực hiện sử dụng theo qui định.

c) Trường hợp hợp đồng nghiên cứu sản phẩm đề tài, dự án quy định phần kinh phí của nhà nước hỗ trợ thì sản phẩm của đề tài, dự án thuộc sở hữu của đơn vị chủ trì; đơn vị chủ trì phải tổ chức theo dõi hạch toán, quản lý sản phẩm đề tài, dự án theo quy định của nhà nước hiện hành.

2. Xử lý tài sản được mua sắm bằng nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước của đề tài, dự án:

a) Đối với đề tài, dự án sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, thì tài sản được mua sắm là tài sản nhà nước. Sau khi đề tài, dự án hoàn thành, nghiệm thu và quyết toán kinh phí, tài sản này được xử lý theo các quy định hiện hành về quản lý tài sản của nhà nước, cụ thể như sau:

- Trường hợp đơn vị chủ trì là tổ chức thuộc nhà nước và có nhu cầu sử dụng thì cơ quan chủ quản xem xét quyết định ghi tăng tài sản cho đơn vị chủ trì;

- Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị của nhà nước còn thiếu tài sản có nhu cầu sử dụng hoặc còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do

Nhà nước quy định;

- Tổ chức bán đấu giá để thu tiền nộp ngân sách nhà nước đối với các tài sản vẫn còn sử dụng được. Trường hợp đơn vị chủ trì không phải là cơ quan, đơn vị, tổ chức của nhà nước, nếu có nhu cầu thì được ưu tiên mua theo giá thị trường của tài sản tại thời điểm bán;

- Thanh lý tài sản đối với các tài sản không còn sử dụng được.

Việc bán, điều chuyển, thanh lý do cơ quan chủ quản đề xuất cấp có thẩm quyền theo phân cấp thẩm quyền quyết định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

b) Trường hợp kinh phí của nhà nước có tính chất hỗ trợ hoặc đơn vị chủ trì đã nộp ngân sách nhà nước kinh phí thu hồi từ các dự án sản xuất thử nghiệm, chuyên giao công nghệ theo quy định, thì tài sản được hình thành từ nguồn kinh phí hỗ trợ của ngân sách nhà nước thuộc quyền quản lý của đơn vị chủ trì. Việc quản lý và sử dụng tài sản được thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Thanh lý hợp đồng:

a) Trường hợp 1: đề tài, dự án kết thúc được nghiệm thu thì sẽ thực hiện theo qui định.

b) Trường hợp 2: đề tài, dự án kết thúc nhưng nghiệm thu không đạt thì do Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trên cơ sở kết luận của Hội đồng nghiệm thu để thanh lý hợp đồng.

Cơ quan ký hợp đồng có trách nhiệm tổ chức hội đồng thanh lý có đại diện cơ quan quản lý tài chính, đại diện đơn vị chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án, chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện, đại diện cơ quan đặt hàng (nếu có) và một số nhà khoa học tham gia hội đồng xét duyệt hoặc giám định đề tài và xử lý theo khoản 3 Điều 32 của Quy định này.

UBND tỉnh quyết định quyết định thanh lý hoặc đình chỉ thực hiện đề tài, dự án và thu hồi sản phẩm, kinh phí đối với các đề tài, dự án trọng điểm cấp tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thanh lý hoặc đình chỉ thực hiện đề tài, dự án và thu hồi sản phẩm, kinh phí đối với các dự án, đề tài cấp tỉnh còn lại và cấp cơ sở.

4. Đăng ký kết quả nghiên cứu:

Chủ nhiệm đề tài, dự án cấp tỉnh, cấp cơ sở phải làm thủ tục đăng ký kết quả nghiên cứu tại Sở Khoa học và Công nghệ; chủ nhiệm đề tài, dự án cấp nhà nước đăng ký kết quả nghiên cứu theo quy định của Bộ Khoa học và công nghệ. Mục đích của việc đăng ký kết quả nghiên cứu nhằm bảo đảm quyền lợi của các tác giả công trình khoa học và phục vụ cho quản lý khoa học và công nghệ tránh trùng lặp nội dung nghiên cứu của các đề tài, dự án.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Phân công trách nhiệm thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức thẩm định kinh phí cho các hạng mục công việc thuộc các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được hội đồng xét duyệt đề cương thông qua.
- Cấp phát kinh phí thực hiện các hoạt động về KH&CN (bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ) theo định mức đã thống nhất với Sở Tài chính.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp cơ sở sau khi có ý kiến của hội đồng tư vấn.
- Điều chỉnh, bổ sung kinh phí thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp cơ sở sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.
- Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.
- Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan chuyên ngành khác trên địa bàn tỉnh trong việc đề xuất và đăng ký và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Tạo điều kiện thuận lợi để các cá nhân, đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

2. Sở Tài chính

- Đảm bảo bố trí đầy đủ và kịp thời kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo danh mục được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ theo qui định.
- Tham gia thẩm định, xem xét bổ sung, điều chỉnh kinh phí cho các hạng mục công việc thuộc các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Hướng dẫn, hỗ trợ Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chế độ thanh toán, quyết toán vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ đúng qui định.

3. Các sở, ngành UBND cấp huyện có thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

- Xây dựng các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chủ động thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ cơ sở, thẩm định tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung và các nội dung khác của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.
- Chịu trách nhiệm về các hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện

nhệm vụ khoa học và công nghệ theo qui định hiện hành.

- Thực hiện chế độ báo cáo tiến độ thực hiện đề tài, dự án định kỳ hoặc đột xuất và báo cáo quyết toán kinh phí theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Tổ chức nghiệm thu đề tài, dự án ở cấp cơ sở trước khi gửi báo cáo nghiệm thu về Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thu hồi kinh phí của đề tài, dự án do đơn vị mình chủ trì thực hiện khi bị kiểm tra, đình chỉ thực hiện theo quy định hiện hành.

- Công bố kết quả nghiên cứu do đơn vị chủ trì thực hiện rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của các đơn vị (trừ những đề tài, dự án có độ mật và tối mật phục vụ an ninh quốc phòng và một số ngành khác theo quy định của pháp luật về vấn đề bảo mật hoặc các đề tài, dự án được đặt hàng từ khu vực tư nhân, có sử dụng một phần ngân sách nhà nước và có tính bảo mật về kỹ thuật, công nghệ...).

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm rà soát và sửa đổi quy trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại cơ quan, đơn vị, cấp mình theo Quy định này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc thi hành Quy định này để các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện; trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có những vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI KH&CN CẤP NĂM 20...

1./ Tên đề tài:

.....

2./ Giải trình về tính cấp thiết (tại sao phải nghiên cứu giải quyết ở cấp Tỉnh: quan trọng, cấp bách - tác động to lớn, ảnh hưởng lâu dài đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, Tỉnh)

.....

.....

3./ Mục tiêu của đề tài

.....

.....

4./ Nội dung chủ yếu của đề tài

.....

.....

5./ Dự kiến sản phẩm của đề tài

.....

.....

6./ Khả năng và địa chỉ áp dụng

.....

7./ Thời gian thực hiện và kinh phí dự kiến:

- Thời gian thực hiện: tháng, từ tháng .../20... đến tháng/20....

- Tổng kinh phí:triệu đồng (viết bằng chữ:). Trong đó:

+ Tổng kinh phí SNKH:

+ Kinh phí SNKH năm 20...

+ Nguồn khác:

....., ngày tháng năm

Đơn vị/cá nhân đề xuất đề tài
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với
trường hợp đề xuất của đơn vị)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/ DỰ ÁN

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Long An

Căn cứ thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Long An về việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm, chúng tôi:

1.

(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn, xét chọn làm cơ quan chủ trì đề tài/ dự án)

2.

(Họ và tên, học vị, chức vụ địa chỉ cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài/ dự án)

Xin đăng ký chủ trì thực hiện đề tài/dự án:

Tên đề tài/ dự án:

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

Thuộc Chương trình khoa học - công nghệ (nếu có):.....

Mã số của Chương trình:.....

Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì thực hiện đề tài/dự án gồm:

1. Thuyết minh đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo biểu: BM03.TMĐT; hoặc BM04.TMDA; hoặc BM05.TMKHXH

2. Tóm tắt hoạt động khoa học - công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài/dự án theo biểu: BM06.LLTCT.

3. Tóm tắt hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ của tổ chức chủ trì chuyển giao công nghệ (nếu có) theo biểu: BM07.LLTCCG.

4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài/dự án theo biểu: BM08.LLCN.

5. Giấy xác nhận phối hợp thực hiện đề tài/dự án (nếu có) theo biểu: BM09.PHNC

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

Cá nhân
đăng ký chủ nhiệm đề tài
(Họ, tên và chữ ký)

....., ngày tháng năm 20..

Thủ trưởng
Tổ chức đăng ký chủ trì đề tài
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1. Tên đề tài	2. Mã số (được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)								
3. Thời gian thực hiện: tháng (Từ tháng đến tháng)	4. Cấp quản lý Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/>								
5. Kinh phí: triệu đồng, trong đó:									
<table style="width: 100%;"><thead><tr><th style="text-align: center;">Nguồn</th><th style="text-align: center;">Tổng số</th></tr></thead><tbody><tr><td>- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học</td><td></td></tr><tr><td>- Từ nguồn tự có của tổ chức</td><td></td></tr><tr><td>- Từ nguồn khác</td><td></td></tr></tbody></table>		Nguồn	Tổng số	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		- Từ nguồn tự có của tổ chức		- Từ nguồn khác	
Nguồn	Tổng số								
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học									
- Từ nguồn tự có của tổ chức									
- Từ nguồn khác									
6.	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số: <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN; <input type="checkbox"/> Đề tài độc lập;								
7. Lĩnh vực khoa học	<input type="checkbox"/> Tự nhiên; <input type="checkbox"/> Nông, lâm, ngư nghiệp; <input type="checkbox"/> Kỹ thuật và công nghệ; <input type="checkbox"/> Y dược.								
8. Chủ nhiệm đề tài									
Họ và tên:									
Ngày, tháng, năm sinh: Nam /Nữ:									
Học hàm/học vị:									
Chức danh khoa học Chức vụ:									
Điện thoại:									

Tổ chức: Nhà riêng: Mobile:
Fax: Email:
Tên tổ chức đang công tác:
Địa chỉ tổ chức:
Địa chỉ nhà riêng:

9. Thư ký đề tài

Họ và tên:.....
Ngày, tháng, năm sinh: Nam/Nữ:
Học hàm/học vị:
Chức danh khoa học Chức vụ:
Điện thoại:
Tổ chức: Nhà riêng: Mobile:
Fax: Email:
Tên tổ chức đang công tác:
Địa chỉ tổ chức:
Địa chỉ nhà riêng:

10. Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài:
Điện thoại: Fax:
Email:
Website:
Địa chỉ tổ chức:
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
Số tài khoản:
Ngân hàng:
Tên cơ quan chủ quản đề tài:

11. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)

1. Tổ chức 1:

Tên cơ quan chủ quản:
Điện thoại: Fax:
Địa chỉ:
Họ tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Ngân hàng:

1. Tổ chức 2:

Tên cơ quan chủ quản:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ:

Họ tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Ngân hàng:

12. Các cán bộ thực hiện đề tài

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài)

	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng qui đổi)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10.				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

13 Mục tiêu của đề tài (Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu dụng hàng)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

14 Tình trạng đề tài

Mới

Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

Kế tiếp nghiên cứu của người khác

15 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của Đề tài

15.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Ngoài nước: (Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trong nước: (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

15.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hóa mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong Đề tài để đạt được mục tiêu)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

16 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

17 Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của Đề tài và phương án thực hiện

(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó; những hoạt động để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có)

Nội dung 1:

.....

.....

.....

Nội dung 2:

.....

.....

.....

Nội dung 3:

.....

.....

.....

18 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài)

Cách tiếp cận:

.....

.....

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....

.....

.....

Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:

19 Phương pháp phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có)

.....

.....

.....

.....

20 Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác; tác động của hợp tác với kết quả của đề tài)

.....

.....

.....

.....

21 Tiến độ thực hiện

T T	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện (Các mốc đánh giá chủ yếu)	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện	Dự kiến kinh phí
1	2	3	4	5	6
1	Nội dung 1.				
	Công việc 1:				
	Công việc 2:				
	Công việc 3:				
2	Nội dung 2.				
	Công việc 1:				

	Công việc 2:				
3	Tổng kết đề tài				

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

22	Sản phẩm KH&CN chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt (Liệt kê theo dạng sản phẩm)
-----------	--

Dạng 1: Mẫu (*model, maket*): Sản phẩm (là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; thiết bị, máy móc; dây truyền công nghệ; giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;

Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng		Dự kiến Số lượng/ Qui mô sản phẩm tạo ra	
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước		Thế giới
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						
3						
4						
5						

22.1: Mức chất lượng sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài (*Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài*)

.....

.....

.....

.....

.....

Dạng II: Nguyên lý ứng dụng, Phương pháp; Tiêu chuẩn; Qui phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Qui trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (*phương pháp, qui trình, mô hình...*); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác.

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1	2	3	4
1			
2			
3			
4			

Dạng III: Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (<i>Tạp chí, Nhà xuất bản</i>)	Ghi chú
1	2	3	4	5
1				
2				
3				
4				

22.2: Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có (*Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài*)

.....

.....

.....

.....

.....

22.3: Kết quả tham gia đào tạo trên đại học

Số TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
1	Thạc sĩ			
2	Tiến sĩ			

22.4: Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

.....

.....

.....

.....

.....

23 Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

23.1 Khả năng về thị trường (*Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?*)

.....

.....

.....

.....

.....

23.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh (*Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm*)

.....

.....

.....

.....

.....

.....
23.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu
.....
.....
.....
.....
.....

23.4 Mô tả phương thức chuyển giao

(chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn-với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu-theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra,...)
.....
.....
.....
.....
.....

24	Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng kết quả của đề tài
-----------	---

.....
.....
.....
.....
.....

25	Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu
-----------	--

25.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ trong nước và quốc tế)
.....
.....
.....

25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu:
.....
.....
.....

25.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường:

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế-xã hội và môi trường)
.....
.....
.....

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết xin xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

26 Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi							
TT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Trả công lao động (khoa học, phổ thông)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí Trong đó:						
1	Ngân sách SNKH - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*: - Năm thứ ba*:						
2	- Nguồn tự có của cơ quan						
3	- Nguồn khác (vốn huy động, ...)						

(*): chi dự toán khi đề tài được phê duyệt

Ngày tháng năm 20

Chủ nhiệm Đề tài
(Họ, tên và chữ ký)

Ngày tháng năm 20

Thủ trưởng
Cơ quan chủ trì Đề tài
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày tháng năm 20

Đại diện Ban chủ nhiệm Chương Trình
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày tháng năm 20

Thủ trưởng
Cơ quan chủ quản Đề tài
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LONG AN

Phụ lục**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI****Khoản I. Công lao động (khoa học, phổ thông)**

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung lao động (Dự toán chi theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh)	Tổng kinh phí	Nguồn vốn		
			NSNN	Tự có	Khác
I.1	Nội dung 1				
1.1	Lao động khoa học				
1.2	Lao động phổ thông				
I.2	Nội dung 2				
2.1	Lao động khoa học				
2.2	Lao động phổ thông				
I.3	Nội dung 3				
3.1	Lao động khoa học				
3.2	Lao động phổ thông				
	Tổng				

Khoản II. Nguyên vật liệu, năng lượng

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						NSNN	Tự có	Khác
II.1	Nguyên, vật liệu (Dự toán chi theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh)							
II.2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng							
II.3	Năng lượng, nhiên liệu							
	- Than							
	- Điện	kW/h						
	- Xăng, dầu							
	- Nhiên liệu khác							
II.4	Nước	m ³						
II.5	Mua sách, tài liệu, số liệu							
Cộng								

Khoản III. Thiết bị, máy móc chuyên dùng

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						NSNN	Tự có	Khác
III.1	Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của khoản 3)							
III.2	Thiết bị mua mới							
1.	Mua thiết bị, công nghệ							
2.	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường							
III.3	Khấu hao thiết bị (chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp)							
III.4	Thuê thiết bị (Ghi tên thiết bị, thời gian thuê)							
III.5	Vận chuyển lắp đặt							
Cộng								

Khoản IV. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn		
			NSNN	Tự có	Khác
4.1	Chi phí xây dựng m ² nhà xưởng, PTN				
4.2	Chi phí sửa chữa m ² nhà xưởng, PTN				
4.3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, hệ thống nước				

4.4	Chi phí khác				
Cộng					

Khoản V. Chi khác

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn		
			NSNN	Tự có	Khác
5.1	Công tác phí (địa điểm, thời gian, số lượt người)				
5.2	Kinh phí quản lý				
5.3	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp				
	- Chi phí kiểm tra, nghiệm thu trung gian				
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ				
	- Cán bộ quản lý kiểm tra đề tài				
	- Chi phí nghiệm thu cơ sở				
5.4	Chi khác				
	- Hội thảo				
	- Hội nghị				
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm				
	- Dịch tài liệu				
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ				
				
	- Khác				
5.5	Hợp tác quốc tế				
5.6	Phụ cấp Chủ nhiệm đề tài				
	Tổng				
	Tổng cộng khoản I +II+III+IV+V				

THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên dự án:	2	Mã số : <i>(được cấp khi Hồ sơ được phê duyệt):</i>
3	Thời gian thực hiện: năm <i>(Từ năm đến năm.....)</i>	4	Cấp quản lý Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/>
5	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có) <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN <input type="checkbox"/> Dự án độc lập		
6	Tổng vốn thực hiện dự án: triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		
	- Vốn tự có của tổ chức chủ trì		
	- Khác (liên doanh...)		
7	Kinh phí thu hồi triệu đồng <i>(bằng..... % kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKH)</i> Đợt 1: triệu đồng sau khi kết thúctháng; Đợt 2: triệu đồng sau khi kết thúctháng;		
8a	Chủ nhiệm dự án Họ và tên:..... Năm sinh: Nam/Nữ: Học hàm: Học vị: Chức danh khoa học: Chức vụ: Điện thoại: Tổ chức: Nhà riêng: Mobile: Fax: E-mail:		

Tên tổ chức đang công tác:
Địa chỉ tổ chức:
Địa chỉ nhà riêng:

8b **Thư ký Dự án**

Họ và tên:.....
Năm sinh: Nam/Nữ:
Học hàm: Học vị:
Chức danh khoa học:
Chức vụ:
Điện thoại: Tổ chức: Nhà riêng: Mobile:
Fax: E-mail:
Tên tổ chức đang công tác:
Địa chỉ tổ chức:
Địa chỉ nhà riêng:

9 **Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án**

Tên tổ chức chủ trì Dự án:
.....
Điện thoại: Fax:
E-mail:
Website:
Địa chỉ:
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
Số tài khoản:
Kho bạc Nhà nước/ Ngân hàng:
Tên cơ quan chủ quản dự án:
.....

10 **Tổ chức tham gia chính**

10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:
.....
Điện thoại: Fax:
E-mail:
Website:
Địa chỉ:
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của Dự án:

10.2. Tổ chức khác

Tên tổ chức:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

Website:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

11 Cán bộ thực hiện Dự án

¹ (Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm Dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu BM08.LLCN)

	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi ¹)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

12 Xuất xứ [Ghi rõ xuất xứ của Dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, Thành phố (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền)

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp)

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan)]

¹ Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

.....
.....
.....
13 | Luận cứ về tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của Dự án

13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của Dự án (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).

.....
.....
.....
.....

13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm Dự án

(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của Dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm Dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

.....
.....
.....
.....

13.3. Tác động của kết quả Dự án đến kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng

(Tác động của sản phẩm Dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).

.....
.....
.....
.....

13.4. Năng lực thực hiện Dự án

(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong Dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất-kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro)

.....
.....
.....
.....

13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án

(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh,...).

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

14 Mục tiêu

14.1 Mục tiêu của Dự án sản xuất² hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra
(Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);

14.2 Mục tiêu của Dự án sản xuất thử nghiệm
(Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)

15 Nội dung

15.1 Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của Dự án) để triển khai trong Dự án

15.2 Phân tích những vấn đề mà Dự án cần giải quyết về công nghệ

(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của Dự án sản xuất thử nghiệm);

15.3 Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm.

² Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc.

16 Phương án triển khai

16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong Dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong Dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của Dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai Dự án:

- Địa điểm thực hiện Dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai Dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m²), dự kiến cải tạo, mở rộng;.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho Dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);

- Nhân lực cần cho triển khai Dự án: số cán bộ KH&CN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện Dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia Dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ Dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai Dự án và giải pháp khắc phục);

.....

.....

.....

.....

.....

16.2. Phương án tài chính

(Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện Dự án) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai Dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia Dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia Dự án,...);

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của Dự án (theo từng loại sản phẩm của Dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1-5 và các phụ lục 1-7)

16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của Dự án

(Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm Dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của Dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm Dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....

17 Sản phẩm của Dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

18 Phương án phát triển của Dự án sau khi kết thúc

18.1. Phương thức triển khai

[Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

.....
.....
.....
.....

18.2. Quy mô sản xuất (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

.....
.....
.....

18.3. Tổng số vốn của Dự án sản xuất.

.....
.....
.....

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm = *Vốn cố định của Dự án sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.*

* *Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm: Thiết bị, máy móc mua mới; Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.*

* *Vốn lưu động: chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.*

* *Kinh phí hỗ trợ công nghệ: chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.*

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án.

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó							
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động				
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Ngân sách NNKH:									
	Năm thứ nhất									
	Năm thứ hai									
	Năm thứ ba									
2	Các nguồn vốn khác									
	- Vốn tự có của cơ sở - Khác: (vốn huy động)									
	Cộng:									

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm
(Trong thời gian thực hiện Dự án)

1	Nội dung	Tổng số chi phí (1000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
			4	5	6	
A	Chi phí trực tiếp					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
B	Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
	- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):					
	- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:					

Ghi chú:

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định: tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.*

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ: được phân bổ cho thời gian thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).*

Bảng 3. Tổng doanh thu
(Cho thời gian thực hiện Dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
Cộng:					

Bảng 4. Tổng doanh thu
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
Cộng:					

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế Dự án
(cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Nội dung	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích :

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tặng vèn } \xi \text{Cu t-}}{L \cdot i \text{ r} \beta \text{ng} + \text{Kh} \text{Êu hao}} = \text{---} = \text{..... năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{L \cdot i \text{ r} \beta \text{ng}}{\text{Tặng vèn } \xi \text{Cu t-}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \text{..... \%};$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{L \cdot i \text{ r} \beta \text{ng}}{\text{Tặng doanh thu}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \text{..... \%};$$

18 **Hiệu quả kinh tế - xã hội**

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường...)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngày..... tháng năm 20....

Chủ nhiệm Dự án
(Họ, tên và chữ ký)

Ngày tháng năm 20....

Tổ chức chủ trì Dự án
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20...

Đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình
(Họ, tên, chữ ký)

Ngày..... tháng năm 20....

Thủ trưởng cơ quan chủ quản đề tài
Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Long An

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	NSNN	Tự có	Khác
1	Thiết bị, máy móc mua mới					
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo					
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ					
4	Chi phí lao động					
5	Nguyên, vật liệu, năng lượng					
	Thuê thiết bị, nhà xưởng					
	Chi khác					
Tổng cộng						

Phụ lục I

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn tài chính			
						Từ Ngân sách SNKH		Từ các nguồn khác	
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	Nguyên vật liệu chủ yếu								
1									
2									
3									
...B	Nguyên, vật liệu phụ								
1									
2									
3									
C	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng								

Cộng									
-------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Phụ lục 2

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

TT	Nhu cầu	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Đơn vị: triệu đồng			
						Nguồn tài chính		Đơn vị: triệu đồng	
						Từ Ngân sách SNKH	Thành tiền	Từ các nguồn khác	Thành tiền
Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền						
1	Về điện : - Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Về nước :	kw m ³							
3	Về xăng dầu : - Cho thiết bị sản xuấttấn - Cho phương tiện vận tảitấn	tấn tấn							
4	Khác								
Cộng									

Phụ lục 3a

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

A. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
I	Thiết bị công nghệ				
1					
2...					
II	Thiết bị thử nghiệm, đo lường				
1					
2..					
Cộng					

Phụ lục 3b

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

TT	Tên thiết bị	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Đơn vị: triệu đồng				
						Nguồn tài chính		Nguồn sách SNKH		
						Ngân sách	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Mua thiết bị công nghệ									
1										
2..										
II	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường									
1										
2..										
III	Mua bảng sáng chế, bản quyền									
IV	Mua phần mềm máy tính									
V	Vận chuyển, lắp đặt thiết bị mới									
VI	Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê và giá thuê và chi ghi và cộng vào cột 5 để tính vốn lưu động)			-----						
Cộng						-----	-----			-----

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Chi phí	Nguồn tài chính		
			Ngân sách SNKH	Tự có	Khác
A	Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (Kể cả công nghệ nhập)				
1	- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ				
2	- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật				
3	- Ôn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào				
4	- Ôn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm				
5				
B	Chi phí đào tạo công nghệ				
1	- Cán bộ công nghệ				
2	- Công nhân vận hành				
3				
Cộng					

Phụ lục 5

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại):

Số TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị: triệu đồng	
					Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	
Cộng A						

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Số TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị: triệu đồng	
					Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	
1	Xây dựng nhà xưởng mới					
2	Chi phí sửa chữa, cải tạo					
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện					
4	Chi phí lắp đặt hệ thống nước					
5	Chi phí khác					
Cộng B						

Phụ lục 6

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí người/th	Thành tiền	Nguồn tài chính	
						Ngân sách (SNKH)	Các nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Kỹ sư						
2	Nhân viên kỹ thuật						
3	Công nhân						
Cộng							

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

TT	Nội dung	Thành tiền	Nguồn tài chính		Ghi chú
			Từ ngân sách SNKH	Từ các nguồn khác	
1	2	3	4	5	6
1	Công tác phí:				
2	Quản lý phí Quản lý hành chính thực hiện dự án Tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm				
3	Sửa chữa, bảo trì thiết bị				
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu Chi phí kiểm tra trung gian Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở				
5	Chi khác: - Hội thảo, hội nghị - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ - Bảo cáo tổng kết - In ấn - Phụ cấp chủ nhiệm đề tài				
Cộng					

Đơn vị: triệu đồng

Phụ lục 8

KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

T	Nội dung công việc	Tháng																									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
1	2	3																									
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng
2	Hoàn thiện công nghệ
3	Chế tạo, mua thiết bị
4	Lắp đặt thiết bị
5	Đào tạo công nhân
6	Sản xuất thử đợt
7	Thử nghiệm mẫu
8	Hiệu chỉnh công nghệ
9	Đánh giá nghiệm thu

Phụ lục 9

VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

Đơn vị: triệu đồng

I. Nhu cầu thị trường:

TT	Tên sản phẩm (quy trình công nghệ, tài liệu hướng dẫn, tiêu chuẩn, thiết bị, đào tạo...)	Đơn vị đo	Số lượng			Chú thích
			200..	200..	200..	
1	2	3	4	5	6	7
1						
..						

II. Phương án sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng			Cơ sở tiêu thô
			200..	200..	200..	
1	2	3	4	5	6	7
1						8
...						

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7
1						
..						

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài:
2	Mã số của đề tài: (được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)
3	Loại đề tài: - Đề tài thuộc Chương trình Khoa học xã hội và nhân văn <input type="checkbox"/> (ghi tên chương trình, mã số) - Đề tài độc lập <input type="checkbox"/>
4	Thời gian thực hiện: từ tháng /năm đến tháng /năm
5	Kinh phí thực hiện: Ghi số lượng kinh phí: (triệu đồng), trong đó: - Nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học: - Nguồn khác:
6	Chủ nhiệm đề tài: Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ: Học hàm, học vị: Chức danh khoa học: Chức vụ:..... Điện thoại của tổ chức: Nhà riêng: Mobile: Fax: E-mail: Tên tổ chức đang công tác:..... Địa chỉ tổ chức:..... Địa chỉ nhà riêng:
7	Thư ký đề tài: Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ:

Học hàm, học vị:

Chức danh khoa học: Chức vụ:

Điện thoại của tổ chức: Nhà riêng: Mobile:

Fax: E-mail:

Tên tổ chức đang công tác:

Địa chỉ tổ chức:

.....

Địa chỉ nhà riêng:

8 | Tổ chức chủ trì đề tài:

Tên tổ chức chủ trì đề tài:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

Website:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Cơ quan chủ quản đề tài:

9 | Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài: (nếu có)

1. **Tổ chức 1** :

Cơ quan chủ quản

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Ngân hàng:

2. **Tổ chức 2** :

Cơ quan chủ quản

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Ngân hàng:

3.

10 Các cán bộ thực hiện đề tài:				
<i>(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài)</i>				
TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi ¹)
1				
2				
...				
9				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

11	Mục tiêu của đề tài: <i>(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i>
.....	
12	Tình trạng đề tài: <input type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả <input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác
13	Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:
13.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài	
<i>(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)</i>	
.....	

¹ Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)

.....
.....
.....

14 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:

(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)

.....
.....
.....

15 Nội dung nghiên cứu của đề tài:

(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; ghi rõ các chuyên đề nghiên cứu cần thực hiện trong từng nội dung)

Nội dung 1:

.....
.....
.....

Nội dung 2:

.....
.....
.....

Nội dung 3:

16 Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:

(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)

- Sưu tầm/ dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)
- Hội thảo/ toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Khảo sát/ điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/ yêu cầu, nội dung, phương pháp)
- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/ yêu cầu, đối tác, nội dung)

17 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)

- Cách tiếp cận:.....
.....

- Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

18 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:

[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]

19 Phương án hợp tác quốc tế: (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

20 Kế hoạch thực hiện:

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10

III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

21	Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt: (liệt kê theo dạng sản phẩm)			
21.1 Dạng I: Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.				
TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt		Ghi chú
21.2 Dạng II: Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác				
Số TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
22	Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:			
22.1 Lợi ích của đề tài:				
a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)				
.....				
.....				
.....				
b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)				
.....				
22.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:				
(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)				
.....				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ
(Giải trình chi tiết xin xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

23	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi:						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				Chi khác
Trả công lao động (khoa học, phổ thông)			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ		
1	Tổng kinh phí <i>Trong đó:</i>						
	Ngân sách SNKH:						
	- Năm thứ nhất*:						
	- Năm thứ hai*:						
2	Nguồn khác (vốn huy động, ...)						

Ngày tháng năm 20

Chủ nhiệm Đề tài
(Họ, tên và chữ ký)

Ngày tháng năm 20

Thủ trưởng
Cơ quan chủ trì Đề tài
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày tháng năm 20

Đại diện Ban chủ nhiệm Chương Trình
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày tháng năm 20

Thủ trưởng Cơ quan chủ quản Đề tài
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LONG AN

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị : triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	NSNN	Tự có	Khác
1	Trả công lao động (Khoa học, phổ thông)					
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
5	Chi khác					
Tổng cộng						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản I. Công lao động (khoa học, phổ thông)

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung lao động (Dự toán chi theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh)	Tổng kinh phí	Nguồn vốn		
			NSNN	Tự có	Khác
I.1	Nội dung 1				
1.1	Lao động khoa học				
1.2	Lao động phổ thông				

I.2	Nội dung 2				
2.1	Lao động khoa học				
2.2	Lao động phổ thông				
I.3	Nội dung 3				
3.1	Lao động khoa học				
3.2	Lao động phổ thông				
	Tổng				

Khoản II. Nguyên vật liệu, năng lượng

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						NSNN	Tự có	Khác
II.1	Nguyên, vật liệu (Dự toán chi theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh)							
II.2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng							
II.3	Năng lượng, nhiên liệu							
	- Than							
	- Điện	kW/h						
	- Xăng, dầu							
	- Nhiên liệu khác							
II.4	Nước	m ³						
II.5	Mua sách, tài liệu, số liệu							
Cộng								

Khoản III. Thiết bị, máy móc chuyên dùng

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						NSNN	Tự có	Khác
III.1	Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài (<i>chi ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của khoản 3</i>)							
III.2	Thiết bị mua mới							
1.	Mua thiết bị, công nghệ							
2.	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường							
III.3	Khấu hao thiết bị (<i>chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp</i>)							
III.4	Thuê thiết bị (<i>Ghi tên thiết bị, thời gian thuê</i>)							
III.5	Vận chuyển lắp đặt							
Cộng								

Khoản IV. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn		
			NSNN	Tự có	Khác
4.1	Chi phí xây dựng m ² nhà xưởng, PTN				
4.2	Chi phí sửa chữa m ² nhà xưởng, PTN				
4.3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, hệ thống nước				
4.4	Chi phí khác				
Cộng					

Khoản V. Chi khác

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn		
			NSNN	Tự có	Khác
5.1	Công tác phí (địa điểm, thời gian, số lượt người)				
5.2	Kinh phí quản lý				
5.3	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp				
	- Chi phí kiểm tra, nghiệm thu trung gian				
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ				
	- Cán bộ quản lý kiểm tra đề tài				
	- Chi phí nghiệm thu cơ sở				
5.4	Chi khác				
	- Hội thảo				
	- Hội nghị				
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm				
	- Dịch tài liệu				
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ				
				
	- Khác				
5.5	Hợp tác quốc tế				
5.6	Phụ cấp Chủ nhiệm đề tài				
	Tổng				
	Tổng cộng khoản I +II+III+IV+V				

TÓM TẮT
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/ DỰ ÁN

1. Tên tổ chức:

Năm thành lập:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email:

2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến đề tài, dự án SXTN tuyển chọn
.....

3. Tổng số cán bộ có trình độ từ đại học trở lên

TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Tổng số
1	Tiến sĩ	
2	Thạc sĩ	
3	Đại học	

4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án XSTN tuyển chọn

TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Số trực tiếp tham gia thực hiện
1	Tiến sĩ	
2	Thạc sĩ	
3	Đại học	

5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến đề tài, dự án SXTN tuyển chọn của các cán bộ trong tổ chức giao tiếp tham gia đề

tài, dự án SXTN đã kê khai ở mục 4 trên đây (nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh,...)

.....
6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến đề tài, dự án SXTN tuyển chọn:

- Nhà xưởng, điều kiện về địa điểm mặt bằng triển khai dự án

.....
- Thiết bị chủ yếu, hạ tầng phục vụ cho việc triển khai dự án:
.....
.....

7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách SNKH) cho việc thực hiện đề tài, dự án SXTN đăng ký tuyển chọn)

- Vốn tự có: triệu đồng (Văn bản chứng minh kèm theo)

- Nguồn vốn khác: triệu đồng (Văn bản chứng minh kèm theo)

....., ngày tháng năm 20...

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/ DỰ ÁN SXTN
(Chữ Ký và Họ Tên Của Người Lãnh Đạo
Tổ Chức Chủ Trì, Đóng Dấu)

TÓM TẮT
HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG
NGHỆ CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Tên tổ chức:

.....

Năm thành lập:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email:

2 Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến đề tài, dự án SXTN tuyển chọn

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Thành tựu chuyển giao công nghệ trong 5 năm gần nhất của tổ chức

.....

.....

.....

.....

.....

4. Tổng số cán bộ có trình độ từ đại học trở lên có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án của tổ chức

TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Số trực tiếp tham gia thực hiện
1	Tiến sĩ	
2	Thạc sĩ	
3	Đại học	

5. Kinh nghiệm và thành tựu trong 5 năm gần nhất liên quan đến việc chuyển giao và triển khai công nghệ của các cán bộ trực tiếp tham gia dự án (*nêu lĩnh vực chuyên môn, số năm kinh nghiệm, thành tựu tiếp nhận, triển khai công nghệ và chỉ đạo sản xuất kinh doanh*)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng

Tổ chức chủ trì chuyển giao công nghệ

(Chữ ký và họ tên của người lãnh đạo tổ chức chủ trì, đóng dấu)

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH ĐỀ TÀI/ DỰ ÁN

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN:

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN:

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nam, nữ:
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại: (CQ)/(NR); Mobile:
6. Fax: E-mail:
7. Chức vụ:
8. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm/tham gia chính:
Tên người Lãnh đạo:
Điện thoại người Lãnh đạo:.....
Địa chỉ tổ chức:.....

9. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sĩ			
Tiến sĩ			
Thực tập sinh khoa học			

10. Quá trình công tác

Thời gian (Từ năm đến năm)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ tổ chức

11. Các công trình công bố chủ yếu (Liệt kê tối đa 5 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (Bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (Tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
1				
2				

12. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng
1		
2		

13. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (Liên quan để đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)
1			
2			

14. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu; chưa nghiệm thu)

15. Giải thưởng (Về KH&CN, về chất lượng sản phẩm, ..liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn- nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

16. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác
(Liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày thángnăm 20...

Tổ chức – nơi làm việc của cá nhân
đăng ký chủ nhiệm (hoặc tham gia
thực hiện chính) đề tài/dự án)

(Xác nhận và đóng dấu)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần
thiết để Ông/Bà..... chủ trì
(tham gia) thực hiện đề tài, Dự án.

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm (tham gia
thực hiện chính) đề tài/dự án
(Họ, tên và chữ ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
PHỐI HỢP THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Long An

1. Tên đề tài/dự án đăng ký tuyển chọn, xét chọn, xét duyệt:

.....
.....
.....
.....

Thuộc Chương trình khoa học - công nghệ (nếu có):

Thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ:

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/dự án:

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài/dự án:

.....

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài/dự án:

3. Tên tổ chức và/hoặc cá nhân đăng ký phối hợp thực hiện đề tài/dự án:

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài/dự án:

.....

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký phối hợp thực hiện đề tài/ dự án:

Nội dung công việc tham gia trong đề tài (và kinh phí tương ứng) của tổ chức và cá nhân phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản Thuyết minh đề tài/dự án của Hồ sơ đăng ký tuyển chọn gửi Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Long An.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài/dự án.

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

Cá nhân đăng ký
chủ nhiệm đề tài/dự án
(Họ, tên và chữ ký)

Thủ trưởng tổ chức đăng ký
chủ trì thực hiện đề tài/dự án
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Cá nhân đăng ký
phối hợp thực hiện đề tài/dự án
(Họ, tên và chữ ký)

Thủ trưởng tổ chức đăng ký
phối hợp thực hiện đề tài/dự án
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)